

Số: 65/2022/QĐST – HNGĐ

K, ngày 28 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng N; sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: 102 Đường T, phường S, thị xã S, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Tạ Văn G; sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn N, xã C, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng N và Anh Tạ Văn G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Trần Thị Hồng N và anh Tạ Văn G có 02 con chung là Tạ Yến E, sinh ngày 24/08/2007 và Tạ Huy Q, sinh ngày 17/02/2013. Khi ly hôn, chị N được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Tạ Yến E, anh G được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Tạ Huy Q, chị N và anh G không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu mới.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Trần Thị Hồng N và Anh Tạ Văn G không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Trần Thị Hồng N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2020/0073068 ngày 18/02/2022, hoàn trả chị N số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện K;
  - Chi cục THADS huyện K;
  - UBND xã C
- (Số ĐKKH 84/2006);
- Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Q Trung**